

QUY CHẾ

Thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế
(Ban hành kèm theo Quyết định số 45/2018/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu về đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ, viễn thám, tài nguyên môi trường biển, đảo và đầm phá (sau đây gọi chung là thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường); cơ chế phối hợp, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Các nội dung không quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan Nhà nước, tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) có hoạt động thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường là quá trình xác định yêu cầu thông tin, tìm nguồn thông tin đáp ứng yêu cầu và thực hiện tập hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường là kết quả của quá trình đo đếm, theo dõi, đo đạc, phân tích mẫu hoặc các hoạt động khác tới các đối tượng tài nguyên và môi trường và các yếu tố gián tiếp gây ảnh hưởng đến tài nguyên và môi trường.

3. Thông tin, dữ liệu thời gian thực là thông tin, dữ liệu được thu nhận và xử lý, tích hợp trong thời gian ngắn (phạm vi thời gian tùy theo từng loại thông tin, dữ liệu).

Điều 4. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải là các thông tin, dữ liệu được thu nhận và lưu trữ theo đúng quy định. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế bao gồm:

1. Thông tin, dữ liệu về đất đai

a) Kết quả đo đạc, lập bản đồ địa chính;

b) Đăng ký đất đai, hồ sơ địa chính, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất;

c) Thống kê, kiểm kê đất đai;

d) Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

đ) Giá đất và bản đồ giá đất;

e) Các thông tin, dữ liệu khác liên quan đến điều tra cơ bản về đất đai.

2. Thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước

a) Số lượng, chất lượng nước mặt, nước dưới đất;

b) Số liệu điều tra khảo sát địa chất thủy văn;

c) Các dữ liệu về khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước;

d) Quy hoạch các lưu vực sông, quản lý, khai thác, bảo vệ các nguồn nước;

đ) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi, điều chỉnh giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; giấy phép xả nước thải vào nguồn nước; trám lấp giếng không sử dụng;

e) Các dữ liệu về các yếu tố ảnh hưởng đến tài nguyên nước;

g) Hồ sơ kỹ thuật của các trạm, công trình quan trắc tài nguyên nước;

h) Các dữ liệu về danh mục các lưu vực sông.

3. Thông tin, dữ liệu về địa chất và khoáng sản

a) Báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (Báo cáo địa chất);

b) Hồ sơ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế;

c) Hồ sơ khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia, khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ lẻ; khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; khu vực có khoáng sản độc hại;

d) Kết quả thống kê; kiểm kê trữ lượng tài nguyên khoáng sản;

đ) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi, cho phép, trả lại giấy phép hoạt động khoáng sản, cho phép tiếp tục thực hiện quyền hoạt động khoáng sản.

4. Thông tin, dữ liệu về môi trường

a) Báo cáo Hiện trạng môi trường các cấp;

b) Danh sách các cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, các khu bảo tồn thiên nhiên; Danh mục các loài hoang dã, loài bị đe dọa tuyệt chủng, loài bị tuyệt chủng trong tự nhiên, loài đặc hữu, loài di cư, loài ngoại lai, loài ngoại lai xâm hại, loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài trong Sách Đỏ Việt Nam;

c) Quy hoạch môi trường; Báo cáo Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học, các hệ sinh thái (trên cạn, dưới nước) và an toàn sinh học;

d) Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, Đề án bảo vệ môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường, Báo cáo kết quả quan trắc môi trường định kỳ hàng năm;

đ) Báo cáo về nguồn thải, lượng chất thải, nguồn gây ô nhiễm, chất thải thông thường, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; kết quả cải tạo, phục hồi môi trường trong các hoạt động khai thác khoáng sản; hiện trạng môi trường tại các mỏ khai thác khoáng sản; hiện trạng môi trường các điểm ô nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu; dự án xử lý và phục hồi môi trường các điểm ô nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu;

e) Báo cáo về tình hình nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, nộp phí bảo vệ môi trường; kết quả giải quyết bồi thường thiệt hại, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết;

g) Báo cáo về khu vực bị ô nhiễm, nhạy cảm, suy thoái, sự cố môi trường; khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường; bản đồ ô nhiễm môi trường và các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường;

h) Danh mục về các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; Danh mục và tình hình bảo vệ môi trường làng nghề, khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp;

i) Kết quả về quản lý môi trường lưu vực sông, ven biển và biển; ô nhiễm môi trường xuyên biên giới;

k) Kết quả về xử lý chất thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, khí thải, nước thải, tiếng ồn, độ rung và các công nghệ môi trường khác;

l) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép về môi trường.

5. Thông tin, dữ liệu về khí tượng thủy văn

a) Thông tin, dữ liệu quan trắc, điều tra, khảo sát về khí tượng thủy văn, môi trường không khí và nước;

b) Thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn thu được từ nước ngoài, cơ quan, tổ chức quốc tế;

c) Biểu đồ, bản đồ, ảnh thu từ vệ tinh; phim, ảnh về đối tượng nghiên cứu khí tượng thủy văn;

d) Bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; thông báo tình hình khí tượng thủy văn;

đ) Hồ sơ kỹ thuật của các trạm, công trình, phương tiện đo khí tượng thủy văn;

e) Hồ sơ cấp, gia hạn, đình chỉ, thu hồi giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn;

g) Kế hoạch và kết quả thực hiện tác động vào thời tiết.

6. Thông tin, dữ liệu về đo đạc và bản đồ

a) Thông tin, dữ liệu về hệ quy chiếu quốc gia, hệ thống số liệu gốc đo đạc quốc gia, các mạng lưới đo đạc quốc gia;

b) Hệ thống không ảnh;

c) Cơ sở dữ liệu nền địa lý tỉnh; cơ sở dữ liệu bản đồ địa hình tỉnh;

d) Sản phẩm đo đạc và bản đồ về biên giới quốc gia;

đ) Sản phẩm đo đạc và bản đồ về địa giới hành chính các cấp;

e) Bản đồ hành chính;

g) Dữ liệu địa danh;

h) Thông tin, dữ liệu về: Mạng lưới đo đạc chuyên dụng; hệ thống không ảnh chuyên dụng; sản phẩm hải đồ; sản phẩm bản đồ công trình ngầm; sản phẩm bản đồ hàng không; sản phẩm đo đạc và bản đồ quốc phòng; sản phẩm đo đạc và bản đồ chuyên ngành, chuyên đề khác.

7. Thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường biển, đảo và đầm phá

a) Dữ liệu về vùng đất ven biển, địa hình đáy biển và đầm phá;

b) Dữ liệu về khí tượng, thủy văn biển;

c) Dữ liệu về địa chất biển, địa vật lý biển, khoáng sản biển; dầu, khí ở biển; dữ liệu về tính chất vật lý, hóa lý của nước biển và đầm phá;

d) Dữ liệu về hệ sinh thái biển, đầm phá; đa dạng sinh học và nguồn lợi thủy sản biển, đầm phá; tài nguyên vị thế biển và kỳ quan sinh thái biển;

đ) Dữ liệu về môi trường biển, đảo, đầm phá; nhận chìm ở biển;

e) Dữ liệu về đảo;

g) Dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển, đằm phá; quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ; chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ;

h) Dữ liệu về khai thác, sử dụng tài nguyên biển, đảo và đằm phá;

i) Kết quả thống kê tài nguyên biển, đảo và đằm phá;

k) Dữ liệu khác liên quan đến tài nguyên môi trường biển, đảo và đằm phá.

8. Thông tin, dữ liệu về biến đổi khí hậu

a) Thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn trong quá khứ và hiện tại quan trắc được từ mạng lưới trạm khí tượng thủy văn, mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng;

b) Thông tin, dữ liệu về tác động của thiên tai khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu đến tài nguyên, môi trường, hệ sinh thái, điều kiện sống và hoạt động kinh tế - xã hội;

c) Thông tin, dữ liệu về phát thải khí nhà kính và các hoạt động kinh tế - xã hội có liên quan đến phát thải khí nhà kính;

d) Thông tin, dữ liệu quan trắc về ô-dôn, bảo vệ tầng ô-dôn và quản lý các chất làm suy giảm tầng ô-dôn;

đ) Bộ chuẩn khí hậu của tỉnh;

e) Kết quả đánh giá khí hậu của tỉnh;

g) Kịch bản biến đổi khí hậu các thời kỳ;

h) Hồ sơ kỹ thuật của các trạm giám sát biến đổi khí hậu.

9. Thông tin, dữ liệu về viễn thám

a) Thông tin về cơ sở hạ tầng viễn thám;

b) Dữ liệu viễn thám;

c) Dữ liệu quan trắc, giám sát tài nguyên và môi trường bằng viễn thám;

d) Sản phẩm ảnh viễn thám;

đ) Siêu dữ liệu viễn thám;

e) Bản đồ chuyên đề từ ảnh viễn thám.

10. Kết quả thanh tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, giải quyết bồi thường thiệt hại về tài nguyên và môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết.

11. Văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về tài nguyên và môi trường.

12. Hồ sơ, kết quả của các chiến lược, quy hoạch, chương trình, dự án, đề án, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ về tài nguyên và môi trường.

13. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường khác do quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Việc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân theo các nguyên tắc sau đây:

1. Bảo đảm tính chính xác, trung thực, khoa học, khách quan và kế thừa.
2. Tập hợp, quản lý được đầy đủ các nguồn thông tin, dữ liệu của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.
3. Lưu trữ, bảo quản đáp ứng yêu cầu sử dụng lâu dài, thuận tiện.
4. Tổ chức có hệ thống phục vụ thuận tiện khai thác và sử dụng, phát huy hiệu quả, tiết kiệm chung cho xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.
5. Được công bố công khai và được quyền tiếp cận theo quy định của Luật tiếp cận thông tin trừ các thông tin, dữ liệu thuộc về bí mật nhà nước và hạn chế sử dụng.
6. Phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.
7. Sử dụng đúng mục đích, phải trích dẫn nguồn và tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, sở hữu trí tuệ.
8. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Kinh phí thu thập, xử lý thông tin, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Kinh phí thu thập, xử lý, tổ chức quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh được phân bổ từ nguồn kinh phí sự nghiệp tài nguyên và môi trường hàng năm và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

2. Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Tài chính lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu thập, xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Phí khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.

Chương II

THU THẬP THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 7. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong việc thu thập và giao nộp thông tin, dữ liệu.

2. Giao nộp cho Đơn vị được giao nhiệm vụ lưu trữ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường đối với thông tin, dữ liệu được thu thập, tạo lập bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước; việc giao nộp thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường có “Biên bản” xác nhận theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định.

3. Gửi thông báo tới Sở Tài nguyên và Môi trường về danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường do mình sở hữu theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 8. Thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ công tác lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng

1. Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch thu thập, tập hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường được Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh căn cứ kế hoạch được phê duyệt, thực hiện:

a) Thu thập, tập hợp, lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đối với các thông tin, dữ liệu trực tiếp quản lý, lưu trữ và cung cấp;

b) Thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tại các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân đang lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

c) Xây dựng, cập nhật danh mục, thông tin mô tả để phục vụ công bố, tra cứu, cung cấp;

d) Cung cấp, cập nhật vào danh mục, thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường quốc gia do Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý.

3. Các cơ quan đang lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm cung cấp thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức công bố danh mục, thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ tra cứu, cung cấp, khai thác sử dụng.

Chương III

TỔ CHỨC, QUẢN LÝ THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 9. Xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường là tập hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được kiểm tra, đánh giá và tổ chức quản lý, lưu trữ một cách có hệ thống được xây dựng, cập nhật và duy trì phục vụ quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo và nâng cao dân trí.

2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh là cơ sở dữ liệu tích hợp, tập hợp từ thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, lưu trữ, quản lý.

3. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh phải phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh.

4. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường được xây dựng và kết nối, chia sẻ trên môi trường điện tử phục vụ quản lý, khai thác, cung cấp, sử dụng thông tin, dữ liệu thuận tiện, hiệu quả.

5. Cơ sở dữ liệu phải đáp ứng khung cơ sở dữ liệu, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ thông tin và chuyên ngành.

6. Việc xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành cụ thể thực hiện theo quy định của pháp luật đối với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Điều 10. Vận hành, cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

Sở Tài nguyên và Môi trường được giao quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm:

1. Xây dựng các quy trình nghiệp vụ, kiểm soát để vận hành, duy trì cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí bảo đảm thường xuyên, liên tục, định kỳ cập nhật nội dung cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

3. Xây dựng và thực hiện các giải pháp đồng bộ bảo đảm cơ sở dữ liệu có hiệu suất vận hành và sẵn sàng đáp ứng cao.

4. Xây dựng và thực hiện các giải pháp về sao lưu, dự phòng bảo đảm tính nguyên vẹn, an toàn của cơ sở dữ liệu. Trong trường hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hư hỏng, bị phá hủy do các hành vi trái phép phải có cơ chế bảo đảm phục hồi được thông tin, dữ liệu.

Điều 11. Bảo quản, lưu trữ và tu bổ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Công tác bảo quản, lưu trữ và tu bổ thực hiện theo đúng quy định tại Luật lưu trữ và các văn bản hướng dẫn nhằm tạo ra các điều kiện tốt nhất để bảo đảm an toàn và kéo dài tuổi thọ cho tài liệu, nhằm phục vụ được tốt các yêu cầu khai thác, sử dụng tài liệu.

Điều 12. Bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin, có các biện pháp tổ chức, quản lý vận hành, nghiệp vụ và kỹ thuật nhằm bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu, an toàn máy tính và an ninh mạng.

2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được phân loại theo cấp độ an toàn hệ thống thông tin, đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cơ sở dữ liệu, thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin, quản lý rủi ro và các biện pháp phù hợp để bảo đảm an toàn thông tin.

4. Việc in, sao, chụp, vận chuyển, giao nhận, truyền dữ liệu tài liệu, lưu giữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi bí mật nhà nước phải tuân theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

Chương IV

KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 13. Công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được công bố trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Thừa Thiên Huế, Hệ thống thông tin tỉnh Thừa Thiên Huế, Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường, các ấn phẩm chuyên môn. Việc công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân thủ theo các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường và theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

Điều 14. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Việc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo các hình thức sau đây:

1. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu qua Cổng thông tin điện tử tỉnh Thừa Thiên Huế, Hệ thống thông tin tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc kết nối, truy nhập, chia sẻ thông tin với cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của cơ quan quản lý, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

a) Tổ chức, cá nhân khi khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu qua Cổng thông tin điện tử tỉnh Thừa Thiên Huế, Hệ thống thông tin tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường phải đăng ký và được cấp quyền truy cập, khai thác thông tin, dữ liệu từ cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu;

b) Tổ chức, cá nhân được cấp quyền truy cập có trách nhiệm truy cập đúng địa chỉ, mã khóa; không được làm lộ địa chỉ, mã khóa truy cập đã được cấp.

2. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu.

Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu căn cứ danh mục thông tin, dữ liệu hiện có, lập phiếu yêu cầu, văn bản yêu cầu (theo Mẫu số 02, Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này) nộp trực tiếp, qua bưu điện hoặc trên môi trường mạng điện tử cho các đơn vị quản lý thông tin, dữ liệu.

3. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu bằng hình thức hợp đồng giữa đơn vị quản lý thông tin, dữ liệu và bên khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu bằng hình thức hợp đồng thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự giữa cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu và tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu. Mẫu hợp đồng cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 15. Những trường hợp không được cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Văn bản, phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu mà nội dung không rõ ràng, cụ thể; yêu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước không đúng quy định; mục đích sử dụng không phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân không có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trực tiếp đến thông tin, dữ liệu; không thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Điều 16. Thẩm quyền cho phép cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép cung cấp sử dụng tài liệu Tối mật.

2. Giám đốc Sở, Thủ trưởng các cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế cho phép cung cấp sử dụng tài liệu Mật.

3. Thủ trưởng cơ quan lưu trữ thông tin, dữ liệu cho phép cung cấp sử dụng tài liệu ngoài các tài liệu đã quy định tại Khoản 1, Khoản 2 của Điều này.

Chương V

**KẾT NỐI, CHIA SẺ THÔNG TIN, DỮ LIỆU
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ**

Điều 17. Nguyên tắc và sự phối hợp kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các cơ quan quản lý nhà nước; giữa các cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường và giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan trên nguyên tắc:

a) Kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật;

b) Bảo đảm việc tiếp cận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ kịp thời cho việc đánh giá, dự báo, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch, tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh;

c) Bảo đảm việc trao đổi, cung cấp thông tin, dữ liệu được thông suốt, kịp thời, đáp ứng các yêu cầu về an toàn, an ninh thông tin.

2. Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý với các bộ, ngành và địa phương khác theo quy định.

3. Đối với cơ sở dữ liệu địa lý chuyên ngành tài nguyên và môi trường, việc tích hợp, kết nối, chia sẻ thực hiện theo Khoản 6 - Điều 4 Quy chế về hành chính - kỹ thuật cho Hệ thống thông tin địa lý tỉnh Thừa Thiên Huế được ban hành kèm theo Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND ngày 09/5/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 18. Kết nối, tích hợp thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử

1. Thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường bao gồm thông tin, dữ liệu thời gian thực và thông tin, dữ liệu có độ trễ về thời gian (phải qua các bước phân tích, xử lý). Thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường có ý nghĩa rất quan trọng đối với ứng phó, xử lý kịp thời trong công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai, thảm họa.

2. Thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường, đặc biệt là thông tin dữ liệu thời gian thực từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc bắt buộc quan trắc quy định của pháp luật phải được thu nhận, tích hợp và chia sẻ, cung cấp kịp thời cho các cơ quan, tổ chức có chức năng, phục vụ dân sinh, phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thu thập, thu nhận, quản lý, cung cấp thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh; cung cấp, tích hợp thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường về cơ sở dữ liệu quốc gia do Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý; sử dụng thông tin, dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia về quan trắc tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

**Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 19. Trách nhiệm quản lý nhà nước về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh; tổ chức, chỉ đạo các cơ quan quản lý thực hiện thu thập, quản lý, lưu trữ, cung cấp và sử dụng nguồn thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh;

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh và tổ chức thực hiện.

2. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh; tổ chức thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt.

b) Chỉ đạo Đơn vị được giao nhiệm vụ lưu trữ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan để tiến hành điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hàng năm;

- Tổ chức, quản lý thông tin, dữ liệu trên môi trường điện tử; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu, cổng thông tin tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các cơ sở dữ liệu trong tỉnh, các tỉnh, thành phố và các bộ, ngành;

- Ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức tích hợp thông tin, dữ liệu và các ứng dụng nhằm phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hiệu quả, gia tăng giá trị của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

c) Định kỳ hàng năm gửi báo cáo về công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành cấp tỉnh

a) Hàng năm, theo chức năng, nhiệm vụ của mình lập danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cần thu thập, cập nhật; đề xuất các hoạt động nhiệm vụ thu thập, cập nhật gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 9 hàng năm để Sở tổng hợp, lập kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường. Đồng thời thông báo với Sở Tài nguyên và Môi trường về việc cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường do cơ quan đang quản lý;

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trong lĩnh vực phụ trách.

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong tổ chức thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh;

b) Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn; cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thông qua Đơn vị được giao nhiệm vụ lưu trữ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

Điều 20. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc khai thác, sử dụng và thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm và quyền hạn:

a) Tuân thủ các nguyên tắc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu quy định tại Điều 5 Quy chế này;

b) Không được chuyển thông tin, dữ liệu cho bên thứ ba sử dụng trừ trường hợp được thỏa thuận trong hợp đồng với cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, dữ liệu;

c) Không được làm sai lệch thông tin, dữ liệu đã được cung cấp để sử dụng;

d) Trả phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu theo quy định tại Điều 6 Quy chế này;

đ) Tuân thủ quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ;

e) Thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu về những sai sót của thông tin, dữ liệu đã cung cấp;

g) Được khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật khi bị vi phạm quyền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu của mình;

h) Được bồi thường theo quy định của pháp luật khi bên cung cấp thông tin, dữ liệu cung cấp thông tin, dữ liệu không chính xác gây thiệt hại cho mình.

2. Tổ chức, cá nhân thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm:

a) Thông báo với Sở Tài nguyên và Môi trường về việc cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

b) Tuân thủ quy định của pháp luật về thu thập, tạo lập và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng;

c) Bảo đảm tính trung thực, chính xác của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

d) Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm gửi báo cáo về công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường theo Mẫu số 05 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 21. Xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được điều tra, thu thập trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành

Các thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được điều tra, thu thập bằng ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành được xử lý theo quy định sau đây:

1. Đối với các nội dung công việc, nhiệm vụ mà cơ quan, tổ chức, cá nhân đang thực hiện theo quy định tại Quyết định số 33/2013/QĐ-UBND ngày 31/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế được tiếp tục thực hiện theo thời hạn đã xác định của nội dung, nhiệm vụ, sau thời hạn đó tuân thủ theo quy định của Quy chế này.

2. Đối với những thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường là sản phẩm của nội dung công việc, nhiệm vụ đang triển khai thực hiện nhưng chưa được kiểm tra, nghiệm thu thì cơ quan quản lý xem xét điều kiện, điều chỉnh nội dung để tổ chức thực hiện các công việc theo quy định của Quy chế này.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các nội dung theo yêu cầu tại Quy chế này và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phan Ngọc Thọ

PHỤ LỤC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 45/2018/QĐ-UBND
ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

Mẫu số 01	Thông báo cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường
Mẫu số 02	Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường
Mẫu số 03	Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đối với cá nhân nước ngoài tại Việt Nam
Mẫu số 04	Hợp đồng cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường
Mẫu số 05	Báo cáo tình hình cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường
Mẫu số 06	Biên bản giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Mẫu số 01

Thông báo cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

**TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP
THÔNG TIN, DỮ LIỆU
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế.

1. Tên tổ chức/cá nhân:

Người đại diện trước pháp luật (đối với tổ chức):

Số CMND/Căn cước công dân, ngày, nơi cấp (đối với cá nhân):

2. Địa chỉ:

3. Điện thoại:.....Fax:..... E-mail:

Thực hiện Quyết định số/2018/QĐ-UBND ngày/...../2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường,

(Tên tổ chức/cá nhân) thông báo về danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đang lưu trữ như sau:

TT	Danh mục thông tin, dữ liệu cung cấp	Mô tả về thông tin, dữ liệu	Nguồn gốc thông tin, dữ liệu
1			
2			

Chúng tôi cam kết thực hiện cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tuân thủ theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, sở hữu trí tuệ và chịu trách nhiệm về nguồn gốc của thông tin, dữ liệu./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02

Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi:

1. Tên tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu:

.....

Số CMND/Căn cước công dân, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân):

.....

2. Địa chỉ:.....

.....

3. Điện thoại, fax, E-mail:

.....

4. Danh mục và nội dung thông tin, dữ liệu cần cung cấp:.....

.....

.....

5. Mục đích sử dụng thông tin, dữ liệu:

.....

.....

6. Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả (xem, đọc tại chỗ; sao chụp; nhận trực tiếp tại cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu hoặc gửi qua đường bưu điện,...):

.....

7. Cam kết sử dụng thông tin, dữ liệu:

.....

.....

....., ngày tháng năm

NGƯỜI YÊU CẦU CUNG CẤP
THÔNG TIN, DỮ LIỆU¹

¹Trường hợp là cơ quan, tổ chức yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu thì thủ trưởng cơ quan ký tên, đóng dấu; là cá nhân phải ký tên, ghi rõ họ tên

Mẫu số 03

**Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường
đối với cá nhân nước ngoài tại Việt Nam**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi:

1. Người yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu:
2. Nơi đang làm việc, học tập:
3. Quốc tịch, số hộ chiếu:
4. Điện thoại, fax, E-mail:
5. Danh mục và nội dung thông tin, dữ liệu cần cung cấp:.....
6. Mục đích sử dụng thông tin, dữ liệu:
7. Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả (xem, đọc tại chỗ; sao chụp; nhận trực tiếp tại cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu hoặc gửi qua đường bưu điện,...):
8. Cam kết của người yêu cầu sử dụng thông tin, dữ liệu:

....., ngày tháng năm

**XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC
NƠI ĐANG LÀM VIỆC, HỌC TẬP**
(Ký xác nhận, đóng dấu)

NGƯỜI YÊU CẦU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 04

**Hợp đồng cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu
tài nguyên và môi trường**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Số:/HD

Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên,

Hôm nay, ngày..... tháng năm, tại, chúng tôi gồm:

1. Bên cung cấp thông tin, dữ liệu (Bên A)

Đại diện:.....

Chức vụ:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:

Số tài khoản:

2. Bên khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu (Bên B)

Tên tổ chức, cá nhân:

Đại diện:.....

Chức vụ.....

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:

Số tài khoản:

Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường như sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng

(Về việc cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu)

.....
.....
.....
.....
.....

Điều 2. Thời gian thực hiện

..... ngày, kể từ ngày tháng năm

Điều 3. Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả

- Hình thức khai thác, sử dụng:.....
- Khai thác sử dụng thông qua việc truy cập:.....
- Nhận trực tiếp tại cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu:.....
- Nhận gửi qua đường bưu điện:.....

Điều 4. Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán

Tiền trả cho việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu là:..... đồng.
(*Bằng chữ*:..... *đồng*)

Trong đó:

- Tiền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu là:..... đồng.
 - Tiền dịch vụ cung cấp thông tin, dữ liệu là:..... đồng.
- Số tiền đặt trước:..... đồng.
(*Bằng chữ*:..... *đồng*)

Hình thức thanh toán (tiền mặt, chuyển khoản):.....

Điều 5. Trách nhiệm và quyền hạn của hai bên

.....
.....
.....

Điều 6. Bổ sung, sửa đổi và chấm dứt hợp đồng và xử lý tranh chấp

.....
.....
.....

Điều 7. Điều khoản chung

1. Hợp đồng này được làm thành bản, có giá trị pháp lý ngang nhau, bên A giữ bản, bên B giữ bản.
2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày.....

BÊN B
(*Ký tên, đóng dấu đối với tổ chức; Ghi
họ tên đối với cá nhân*)

BÊN A
(*Ký tên, đóng dấu*)

Mẫu số 05

Báo cáo tình hình cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
CUNG CẤP THÔNG TIN, DỮ LIỆU
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC-.....

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Tình hình cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Năm (Từ tháng năm đến tháng năm)

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế.

1. Tên tổ chức/cá nhân:
- Người đại diện trước pháp luật (đối với tổ chức):
- Số CMND/Căn cước công dân, ngày, nơi cấp (đối với cá nhân):
2. Địa chỉ:
3. Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:
4. Các thông tin, dữ liệu đã cung cấp:

TT	Nội dung, phạm vi, khối lượng thông tin, dữ liệu	Tổ chức/cá nhân được cung cấp	Thời gian thực hiện	Kinh phí cung cấp	Ghi chú
1					
2					
3					

Chúng tôi/Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung báo cáo này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 06

Biên bản giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO NỘP

Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Căn cứ Quyết định số/2018/QĐ-UBND ngày/...../2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế,

Hôm nay, ngày tháng năm tại đơn vị thông tin lưu trữ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế, chúng tôi gồm có:

1. Đại diện bên giao:

Ông/Bà: Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại: E-mail:

2. Đại diện bên nhận: thuộc Sở Tài nguyên và

Môi trường

Ông/Bà: Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại: E-mail:

Hai bên tiến hành giao, nhận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của nhiệm vụ/công trình/dự án để nhập vào kho lưu trữ theo quy định.

Khối lượng thông tin, dữ liệu được thống kê theo bảng như sau:

TT	Thông tin, dữ liệu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1				
TỔNG CỘNG				

Hai bên đã giao nhận đầy đủ toàn bộ hồ sơ được thống kê ở trên và nhất trí ký vào biên bản. Biên bản này được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN¹

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

(Ký, ghi rõ họ tên)

¹Trường hợp là cơ quan, tổ chức giao nộp thông tin, dữ liệu thì thủ trưởng cơ quan ký tên, đóng dấu; là cá nhân phải ký tên, ghi rõ họ tên.